

Con đường hình thành thuật ngữ báo chí tiếng Việt

Quách Thị Gấm*

*Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam,
36 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 6 tháng 5 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 2 tháng 8 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 8 năm 2013

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu các con đường hình thành thuật ngữ báo chí tiếng Việt dựa trên nguồn tư liệu thực tế. Kết quả cho thấy, thuật ngữ báo chí được hình thành theo bốn con đường: thuật hóa từ thông thường, phiên âm, sao phỏng, ghép lai. Bài viết đã tập trung tìm hiểu đặc điểm của từng con đường này, đồng thời gợi mở ra một số vấn đề trong việc phiên âm và sao phỏng các thuật ngữ báo chí nước ngoài sang tiếng Việt nhằm góp phần vào việc xây dựng và chuẩn hóa thuật ngữ báo chí tiếng Việt.

Báo chí không chỉ là một loại hình hoạt động thông tin mà còn được xem là một khoa học. Như vậy, thừa nhận báo chí là một khoa học mà trong khoa học thì phải có khái niệm, phạm trù, trong khi đó thuật ngữ lại chính là những từ, ngữ biểu thị những khái niệm, phạm trù khoa học. Thuật ngữ báo chí cùng với thuật ngữ của bất kỳ ngành khoa học nào khác có vai trò rất quan trọng, đó là những từ, ngữ biểu thị khái niệm, phạm trù đã được đúc kết, tích hợp từ trong hoạt động của ngành này. Cho nên, việc nghiên cứu, tìm hiểu về thuật ngữ báo chí hết sức cần thiết. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tìm hiểu con đường hình thành của thuật ngữ báo chí tiếng Việt.

Việc nghiên cứu các con đường hình thành thuật ngữ khoa học tiếng Việt về mặt lí luận đã được một số tác giả bàn đến từ khá lâu [3,7]. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển xu hướng nghiên cứu thuật ngữ của các chuyên

ngành khoa học, việc tìm hiểu các con đường hình thành thuật ngữ về mặt thực tiễn mới được chú ý. Cụ thể, con đường hình thành thuật ngữ của một số chuyên ngành trong tiếng Việt đã được nghiên cứu sâu như *quân sự, thương mại, tin học-viễn thông, luật sở hữu trí tuệ, xây dựng*... Tuy nhiên, việc tìm hiểu các con đường hình thành của thuật ngữ báo chí tiếng Việt thì chưa có nghiên cứu nào đề cập.

1. Các nguyên tắc xây dựng thuật ngữ khoa học

Về mặt lí luận, hầu hết các nhà nghiên cứu cho rằng thuật ngữ khoa học của bất kỳ ngôn ngữ nào trên thế giới cũng được xây dựng dựa trên hai nguyên tắc:

- Dựa vào ngôn ngữ bản ngữ
- Dựa vào ngôn ngữ nước ngoài.

Cho tới giữa thế kỉ XIX, phần lớn các thuật ngữ trên thế giới được hình thành theo các cách:

*ĐT: 84-936.066.493

E-mail: nguyenvanly23@yahoo.com.vn

1/ Người ta đặt ra một loạt các hạn chế trong việc sử dụng các từ thông thường. Đây chính là quá trình thuật ngữ hóa từ thông thường.

2/ Tạo ra những phương tiện định danh mô tả trên cơ sở ngữ liệu ngôn ngữ hiện hành, đó là các thuật ngữ-mệnh đề.

3/ Sáng tạo ra các từ mới trên cơ sở lí thuyết được các nhà khoa học phát triển.

Từ giữa thế kỉ XIX, thuật ngữ còn được bổ sung bằng cách đưa vào hệ thống thuật ngữ các danh pháp và vay mượn thuật ngữ cũng như dịch các thuật ngữ từ tiếng nước ngoài [12; tr. 5].

Trong tiếng Việt, theo tổng kết của Hoàng Văn Hành (1983), thuật ngữ được hình thành từ ba con đường: 1. Thuật ngữ hóa từ thông thường, 2. Tạo thuật ngữ trên cơ sở ngữ liệu vốn có tương ứng với phương thức sao phỏng thuật ngữ nước ngoài, 3. Mượn thuật ngữ nước ngoài. Từ ba con đường này đã tạo nên ba lớp thuật ngữ với những đặc trưng khác nhau cả về hình thái và ngữ nghĩa trong vốn thuật ngữ của tiếng Việt: 1. lớp thuật ngữ thuần Việt, 2. lớp thuật ngữ sao phỏng, 3. lớp thuật ngữ phiên âm [3; tr.78]. Như vậy, có thể thấy về thực chất ba con đường hình thành thuật ngữ tiếng Việt nói trên, trước hết cũng chính là xuất phát từ hai nguyên tắc: đặt thuật ngữ trên cơ sở tiếng Việt và tiếp nhận thuật ngữ nước ngoài. Tuy nhiên, nếu đi vào chi tiết thì thấy việc xây dựng thuật ngữ tiếng Việt còn xuất phát từ nguyên tắc vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài (sao phỏng).

2. Con đường hình thành thuật ngữ của một số chuyên ngành đã được nghiên cứu

Trong một số công trình nghiên cứu gần đây cho thấy, con đường hình thành của các hệ thuật ngữ này về cơ bản cũng xuất phát từ các nguyên tắc trên. Tuy nhiên, ngoài các con

đường truyền thống mà lí luận đã tổng kết, các tác giả còn dẫn thêm 2 con đường hình thành thuật ngữ: *tiếp nhận thuật ngữ từ các ngành khoa học khác trong tiếng Việt* [4, 5,10], và *cấu tạo mới* [5] Tuy nhiên, theo chúng tôi điều đó đã làm cho các con đường hình thành thuật ngữ bị chồng chéo, trùng lặp với nhau. Cho nên, sự phân chia này chưa thực sự khoa học. Chẳng hạn, trong bài viết của Mai Thị Loan về thuật ngữ Luật sở hữu trí tuệ (2011), các thuật ngữ *bút danh*, *bản quyền* vừa nằm trong con đường *thuật ngữ hóa từ thông thường* vừa có mặt ở con đường *tiếp nhận thuật ngữ từ các ngành khoa học khác*; thuật ngữ *chương trình phát sóng*, *tác phẩm văn học* vừa nằm ở con đường *tiếp nhận thuật ngữ từ các ngành khoa học khác* nhưng cũng vừa nằm ở con đường sao phỏng...[10; tr.25-26].

Thứ nhất, các thuật ngữ được tiếp nhận từ các ngành khoa học khác xét cho cùng cũng được tạo ra từ con đường như thuật ngữ hóa từ thông thường, sao phỏng, phiên âm. Cho nên chúng sẽ phải ở cùng tiêu chí phạm trù phân lớp với các thuật ngữ riêng của ngành khoa học đó. Đồng thời, khi đã phân chia thành lớp thuật ngữ riêng của ngành đó với lớp thuật ngữ vay mượn từ các ngành khoa học khác thì phải “đối xử” với chúng bình đẳng, ngang hàng nhau. Nghĩa là phải cùng xem xét các con đường hình thành thuật ngữ ở cả hai lớp thuật ngữ này.

Thứ hai, *cấu tạo mới* chính là phương thức ghép các yếu tố với nhau để tạo thành thuật ngữ. Trong khi sự hình thành thuật ngữ ở các con đường: thuật ngữ hóa từ thông thường, sao phỏng và vay mượn chủ yếu nhờ vào phương thức kết hợp, ghép các yếu tố với nhau. Cho nên, việc dẫn thêm phương thức này rõ ràng đã bị trùng lặp. Ở đây chúng ta cần phân biệt rõ con đường hình thành thuật ngữ với các phương thức cấu tạo thuật ngữ là hai vấn đề khác nhau. Chúng tôi cho rằng, việc phân chia các con

đường hình thành thuật ngữ phải bảo đảm được tính khoa học, phải dựa trên cùng một tiêu chí để bao quát được toàn bộ hệ thống thuật ngữ và tránh bị chồng chéo lên nhau.

3. Các con đường hình thành thuật ngữ báo chí tiếng Việt

Cơ sở để xem xét, tìm hiểu các con đường hình thành thuật ngữ báo chí tiếng Việt, chúng tôi dựa trên sự tổng kết về mặt lí luận các con đường hình thành thuật ngữ nói chung trong tiếng Việt. Vì rõ ràng thuật ngữ báo chí cũng là một tiểu hệ thống của thuật ngữ tiếng Việt nói chung. Cho nên các con đường hình thành thuật ngữ báo chí trước hết cũng được xây dựng dựa vào tiếng Việt và sau đó là vay mượn thuật ngữ nước ngoài. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy thuật ngữ báo chí còn được xây dựng dựa trên nguyên tắc thứ ba đó là vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài. Cụ thể, thuật ngữ báo chí tiếng Việt được hình thành theo 4 con đường và trên cơ sở của 3 nguyên tắc sau: 1/ *Xây dựng thuật ngữ báo chí dựa trên cơ sở tiếng Việt: Thuật ngữ hóa từ thông thường.* 2/ *Xây dựng thuật ngữ báo chí dựa vào tiếng nước ngoài: Phiên âm.* 3/ *Xây dựng thuật ngữ báo chí vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài: Sao phỏng và Ghép lại.*

Trước kia, các nhà Việt ngữ cho rằng, sao phỏng thuộc con đường xây dựng thuật ngữ dựa trên cơ sở tiếng Việt. Hiện nay, trong các công trình nghiên cứu về thuật ngữ, hầu hết các tác giả lại xếp sao phỏng thuộc con đường xây dựng thuật ngữ dựa vào tiếng nước ngoài. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng, các thuật ngữ được hình thành theo con đường này chỉ có nội dung khái niệm là vay mượn của thuật ngữ nước ngoài, còn về hình thức ngôn ngữ là dựa trên chất liệu tiếng Việt. Vì vậy chúng phải thuộc con đường xây dựng thuật ngữ vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài thì

mới chính xác. Đối với Ghép lại, một con đường hình thành thuật ngữ khá đặc biệt, nhưng chúng tôi cho rằng đây cũng thuộc con đường xây dựng thuật ngữ vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài, bởi vì xét về hình thức ngôn ngữ chúng vẫn dựa trên một phần chất liệu tiếng Việt.

3.1. *Xây dựng thuật ngữ báo chí dựa trên cơ sở tiếng Việt: Thuật ngữ hóa từ thông thường*

Trong mỗi hệ thống thuật ngữ luôn tồn tại những đơn vị từ vựng vừa có mặt trong ngôn ngữ đời thường vừa có mặt trong ngôn ngữ chuyên môn. Thuật ngữ hóa từ thông thường là vấn đề đã được một số nhà nghiên cứu bàn đến, [1, 3, 11, 17]. Theo Hà Quang Năng, thuật ngữ hóa từ thông thường là “mặt biểu hiện (vô ngữ âm) của từ và cái biểu vật giữ nguyên không thay đổi, còn ý nghĩa thì thay đổi” [11; tr.9]. Lê Quang Thiêm gọi đây là quá trình trí tuệ hóa các từ thông thường [17].

Trong số các tác giả nói trên, Hoàng Văn Hành là người nghiên cứu khá sâu về vấn đề này. Theo tác giả, “thuật ngữ hóa từ thông thường thực chất là con đường dùng phép chuyển di ngữ nghĩa của từ để tạo thuật ngữ” [3, tr.26]. Quá trình chuyển di ngữ nghĩa này khá tinh tế, phức tạp và chúng bao gồm hai dạng: Chuyển di không dẫn đến chuyển nghĩa của từ và chuyển di dẫn đến chuyển nghĩa của từ.

Hình thái chuyển di không dẫn đến chuyển nghĩa thường gặp ở những từ thuộc vốn từ cơ bản. Ở hình thái này, ranh giới giữa nghĩa thông thường và nghĩa thuật ngữ là không rõ ràng bởi vì giữa nghĩa thông thường (nghĩa gốc) và nghĩa thuật ngữ (cũng là nghĩa gốc) trùng nhau. Do vậy, quá trình thuật ngữ hóa từ thông thường theo cách chuyển di ngữ nghĩa này khá mờ nhạt, chúng không theo một quy tắc rõ ràng. Ở đây chỉ là sự chuyển di phạm vi ứng dụng của một nghĩa và thường là nghĩa gốc của các

từ thông thường sang lĩnh vực chuyên môn. Khi chuyển di phạm vi ứng dụng, nghĩa của chúng đã được thu hẹp phạm vi biểu hiện để cấp cho từ đó một nghĩa thuật ngữ nhằm biểu thị một khái niệm, sự vật,... của một lĩnh vực chuyên môn. Chẳng hạn, *đường thẳng* trong cách hiểu thông thường là *đường không lệch về bên trái hay bên phải*, còn trong toán học là *đường (hay khoảng cách) ngắn nhất giữa hai điểm*.

Tuy nhiên, tính quy tắc lại thể hiện rõ ở hình ở hình thái chuyển di dẫn đến chuyển nghĩa. Cơ sở để chuyển di từ nghĩa thông thường sang nghĩa thuật ngữ chính là dựa trên mối quan hệ tương đồng hoặc tương cận về các thuộc tính của sự vật hay quá trình được phản ánh trong khái niệm do các từ ngữ biểu thị theo phương thức ẩn dụ hóa và hoán dụ hóa. Khi sự chuyển di nghĩa dựa vào mối quan hệ tương đồng sẽ tạo ra nghĩa thuật ngữ hình thành theo phép ẩn dụ hóa. Ví dụ: nghĩa của *cánh* trong *cánh quân*, *cánh tả*, của *lòng* trong *lòng thuyền*... Còn khi sự chuyển di nghĩa dựa vào mối quan hệ tương cận sẽ tạo ra nghĩa thuật ngữ hình thành theo phép hoán dụ hóa. Ví dụ nghĩa của *đầu người* trong *bình quân thu nhập tính theo đầu người*, *tay trong tay súng*...

Kết quả khảo sát cho thấy, trong hệ thống thuật ngữ báo chí có **310 thuật ngữ** được tạo ra theo cả hai hình thái này, **chiếm 12,4%** tổng số thuật ngữ được khảo sát. Cụ thể, tương ứng với hai hình thái chuyển di nghĩa trên, đã hình thành 2 loại thuật ngữ báo chí được thuật ngữ hóa dưới đây:

3.1.1. Thuật ngữ hóa từ thông thường theo hướng thu hẹp nghĩa

Đó là các thuật ngữ như: *bìa*, *cắt*, *dòng*, *giấy*, *chữ*, *in*, *đĩa*, *lề*, *nhiều*, *đoạn*, *xén*, *dụng*, *quay*, *duyet*, *số*, *kỳ*, *hiện trường*, *khách mời*, *tiếng động*, Các thuật ngữ báo chí kiểu này được hình thành trên cơ sở những từ ngữ rất cơ bản trong đời sống hàng ngày và khi trở thành

thuật ngữ chúng vẫn là các thuật ngữ thuần Việt, biểu thị những khái niệm cũng rất cơ bản trong hệ thống thuật ngữ báo chí. Chỉ có điều khi là từ thông thường, chúng biểu thị những đặc trưng chung nhất về sự vật, hiện tượng, còn khi được thuật ngữ hóa trở thành các thuật ngữ báo chí mặc dù chúng vẫn biểu thị những đặc trưng của sự vật, hiện tượng đó nhưng nghĩa của chúng đã được thu hẹp, cụ thể hơn. Có 88 thuật ngữ báo chí hình thành theo hướng này, chiếm 3,5%. Chẳng hạn:

- **Xén** là từ thông thường có nghĩa là *cắt bớt phần ngọn hoặc mép thừa cho thật bằng nhau* [13; tr.1257]. Khi trở thành thuật ngữ báo chí, nghĩa của **Xén** đã được thu hẹp chỉ còn là *công việc cắt xén các tờ giấy in cho đúng kích thước yêu cầu*” [6; tr.251].

- **Bìa** với nghĩa thông thường là *tờ giấy dày hoặc vật thay cho tờ giấy dày đóng ngoài quyển sách, quyển vở*” [13; tr.92]. Khi **Bìa** trở thành thuật ngữ của ngành báo chí nghĩa của chúng đã được chuyên biệt, cụ thể hơn là *một trong những bộ phận quan trọng nhất của các ấn phẩm định kỳ cũng như không định kỳ, có chức năng trình bày những thông tin cơ bản nhất về tiêu đề, tác giả, nhà xuất bản, địa điểm, thời gian xuất bản và có chức năng thu hút sự chú ý của độc giả, tạo thiện cảm cho người mua ngay từ cái nhìn đầu tiên* [6; tr.43].

- **Giấy** với nghĩa thông thường là vật liệu làm thành tờ để viết, in, vẽ trên đó hoặc để gói, bọc làm bằng bột thực vật hoặc cellulose trang mỏng [13; tr.925]. Khi được dùng với nghĩa chuyên môn trong ngành báo chí, **Giấy** là nguyên liệu chính để in sách, báo, được sản xuất từ gỗ và các loại cây thảo mộc có nhiều Xenlulô. Cấu tạo chủ yếu của giấy là bột gỗ, liên kết bề mặt nhờ một số thành phần kết dính [6; tr.87].

Như vậy, có thể thấy nghĩa của các thuật ngữ báo chí **xén**, **bìa**, **giấy** có được chính là dựa

trên sự thu hẹp, cụ thể về nghĩa gốc của các từ có trong đời sống thông thường *xén, bìa, giấy*.

Một điều đáng chú ý là các từ thông thường nói trên khi trở thành thuật ngữ, không chỉ đóng vai trò là các *thuật ngữ báo chí độc lập* mà chúng còn tham gia vào cấu tạo các thuật ngữ báo chí với tư cách là *yếu tố cấu tạo* trong trường hợp thuật ngữ là từ ghép hoặc cụm từ. Chính sự tham gia của chúng với tư cách là yếu tố cấu tạo đã góp phần tạo ra hàng loạt các thuật ngữ mới. Chẳng hạn, *giấy* đã tham gia vào cấu tạo nên các thuật ngữ như: *giấy ảnh, giấy báo, giấy bìa, giấy cứng, giấy mềm...*; *bìa* đã tham gia vào cấu tạo nên các thuật ngữ: *bìa chính, bìa phụ, bìa mềm, bìa cứng...*; *xén* đã tham gia vào cấu tạo nên các thuật ngữ: *rao xén, xén giấy, máy xén giấy...*

Bên cạnh đó, còn có một số từ thông thường khi được thuật ngữ hóa chúng chỉ đóng vai trò là *yếu tố cấu tạo thuật ngữ*. Ví dụ, *sạp* trong sạp báo; *thẻ* trong thẻ nhà báo, thẻ phóng viên; *mua* trong mua báo, mua tin, mua chương trình; *rao* trong rao báo, rao báo rong; *cũ* trong báo cũ, tin cũ;... Có thể thấy, các yếu tố cấu tạo là các từ thông thường rất khác nhau trong đời sống hàng ngày, cho nên khi tham gia vào cấu tạo thuật ngữ chúng đã góp phần tạo nên sự phong phú cho thuật ngữ báo chí.

3.1.2. Thuật ngữ hóa từ thông thường theo hướng mở rộng nghĩa

Đó là các thuật ngữ như: *sóng, tin gốc, bản thảo sạch, chân trang, chữ cùn, chảo vệ tinh, chóp báo, liên hoan truyền hình, đời sống phát thanh, vá hình, vá tiếng, thợ săn ảnh, bắt màu, chụp ảnh, chụp tin, hành lang thông tin, méo tiếng, nuôi chương trình, thân máy ảnh, săn tin, quét hình...* Đây là các thuật ngữ được thuật ngữ hóa trên cơ sở sự mở rộng nghĩa từ nghĩa thông thường sang nghĩa thuật ngữ theo phương thức ẩn dụ hóa và hoán dụ hóa. Chúng là các

thuật ngữ được tạo ra từ nghĩa phái sinh trên cơ sở dựa nghĩa gốc, nghĩa ban đầu của từ ngữ thông thường. Trong quá trình phát triển của từ nhiều nghĩa, nghĩa thuật ngữ vẫn còn nằm lại trong hệ thống ý nghĩa của từ gốc ban đầu. Chính vì vậy, nghĩa của các thuật ngữ này vẫn còn có mối liên hệ với một ý nghĩa nào đó của từ thông thường, mặc dù trong một số trường hợp nghĩa biểu vật của từ rất khác nhau, thậm chí có thể đối lập nhau. Ví dụ:

- **Chân** có nghĩa thông thường là bộ phận dưới dùng của cơ thể người hay động vật dùng để đi đứng [13; tr.1091]. Nhưng **chân** ở thuật ngữ báo chí **chân trang** lại là bộ phận dưới cùng của một trang báo hoặc trang tạp chí. Như vậy, ở đây rõ ràng chân trang đã mang một ý nghĩa khoa học xác định, nó có sự khác biệt so với chân ban đầu. Tuy nhiên, chúng ta vẫn nhận thấy có sự tương đồng ở bộ phận dưới cùng để đi đứng và đây chính là sự chuyển nghĩa dựa vào sự tương đồng về vị trí.

- **Sóng** từ nghĩa thông thường là hiện tượng mặt nước dao động, dâng lên hạ xuống trông tựa như đang di chuyển, chủ yếu do gió gây lên [13; tr.1106]. Nhưng **sóng** ở thuật ngữ báo chí chỉ sự dao động truyền đi trong một môi trường như sóng âm, sóng vô tuyến điện [13; tr.1106]. Giữa nghĩa thông thường và nghĩa thuật ngữ vẫn có nét nghĩa chung đó là sự dao động, và sự truyền đi hoặc di chuyển.

- **Nền** theo nghĩa thông thường là mặt phẳng bên dưới của các buồng, phòng ở hoặc là lớp đất đá ở bên dưới dùng để đỡ móng nhà [13; tr.857]. Nhưng **nền** ở thuật ngữ báo chí **tin nền** là yếu tố cấu thành một bản tin dài, có chức năng xác lập hoàn cảnh, điều kiện cần thiết để giúp người nhận tin lĩnh hội được một sự kiện thời sự nào đó mà mình chú ý thông báo [6; tr.205]. Có thể thấy nét nghĩa tương đồng của chúng là yếu tố cơ sở, nền tảng.

Nếu như ở loại các từ thông thường được thuật ngữ hóa theo hướng thu hẹp nghĩa, chúng vừa trở thành thuật ngữ báo chí độc lập vừa đóng vai trò là yếu tố cấu tạo thuật ngữ, thì ở loại thuật ngữ hóa thông thường theo hướng mở rộng nghĩa hầu như chúng chỉ đóng vai trò là yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Tuy nhiên, chính nhờ có các yếu tố cấu tạo được thuật ngữ hóa này đã góp phần tạo nên hàng loạt thuật ngữ báo chí và chúng là những thuật ngữ dễ hiểu và gần gũi với ngôn ngữ đời sống hàng ngày.

So với hướng thu hẹp nghĩa, các thuật ngữ được hình thành từ sự mở rộng nghĩa của các từ thông thường chiếm tỷ lệ lớn hơn rất nhiều: 222 thuật ngữ (8,9%). Có thể dẫn thêm hàng loạt các từ thông thường được thuật ngữ hóa tham gia vào cấu tạo nên các thuật ngữ báo chí khác như **đầu** trong *đầu cầu*, *đầu cầu chủ*, *đầu tin*; **gói** trong *gói chương trình*; **cột** trong *cột báo*; **cửa** trong *cửa chấp*, *cửa chấp tự động*; **thường thức** trong *thường thức truyền hình*; **kho** trong *kho lưu trữ ảnh*, *kho lưu trữ thông tin*; **rửa** trong *rửa ảnh*; **ngâm** trong *ngâm ảnh*, **é** trong báo é...

Quan sát kỹ hơn có thể thấy một điều lí thú là các từ ngữ thông thường khi được thuật ngữ hóa để trở thành thuật ngữ hoặc yếu tố cấu tạo thuật ngữ báo chí, chúng không phải là những đơn vị rời rạc, riêng lẻ mà thường là tập hợp các từ thuộc về một nhóm hoặc phạm trù nào đó. Chẳng hạn, nhóm chỉ bộ phận cơ thể người: *đầu*, *mặt*, *thân*, *chân*...; nhóm chỉ các sự vật, vật dụng trong gia đình: *cột*, *cửa*, *chảo*, *hành lang*, *đũa*, *xe*, *đồng hồ*, *dao*, *thước*, *hộp*, *giấy*...; nhóm chỉ các hoạt động: *mua*, *bán*, *cắt*, *xén*, *nghe*, *đọc*, *vá*, *xem*, *săn*, *bắt*, *thường thức*, *quét*, *ngâm*, *rửa*, *nuôi*, *pha*, *hãm*...; nhóm chỉ các tính chất như: *sạch*, *cùn*, *tron*, *méo*, *é*, *lệch*, *dai*, *dày*, *cứng*, *mỏng*, *lì*, *dịu*, *mới*, *cũ*...

Mặc dù về hình thái của các thuật ngữ báo chí được thuật ngữ hóa này không có gì khác so với hình thái của các từ thông thường, nhưng ta

vẫn có thể nhận diện chúng bằng việc đối lập giữa chu cảnh của từ ngữ được dùng với nghĩa thuật ngữ và chu cảnh của từ được dùng với nghĩa thông thường. Ví dụ: *chùm* trong *chùm hoa*, *chùm khế* so sánh với *chùm tin*, *chùm ảnh*; *chân* trong *chân tay*, *chân đau* so sánh với *chân trang*...*mặt* trong *mặt của con người* so sánh với *mặt báo*...

Như vậy, bằng con đường kết hợp từ đã có rất nhiều các từ thông thường có sẵn trong đời sống hàng ngày đã tham gia vào cấu tạo nên các thuật ngữ để định danh các sự vật, khái niệm mới trong thuật ngữ báo chí.

3.2. Xây dựng thuật ngữ báo chí dựa vào tiếng nước ngoài: Giữ nguyên dạng và Phiên âm

Vay mượn thuật ngữ nước ngoài là một trong những con đường rất quan trọng trong việc xây dựng thuật ngữ, cũng như để bổ sung các khái niệm khoa học mà trong tiếng Việt chưa có hoặc có nhưng chưa có từ biểu thị. Đối với thuật ngữ báo chí tiếng Việt, việc vay mượn thuật ngữ báo chí nước ngoài là điều rất cần thiết đối với hoạt động thực tiễn của ngành báo chí đặc biệt trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

Về mặt lí thuyết, con đường vay mượn thuật ngữ nước ngoài thường được xử lí dưới các hình thức: giữ nguyên dạng, chuyển tự và phiên âm. Qua khảo sát 2500 thuật ngữ báo chí điển mẫu, chúng tôi không tìm được thuật ngữ báo chí nào được vay mượn theo hình thức chuyển tự mà chỉ vay mượn dưới 2 hình thức giữ nguyên dạng và phiên âm.

Một số ý kiến cho rằng trong xu thế hội nhập hiện nay, các thuật ngữ vay mượn theo hình thức nguyên dạng vào tiếng Việt có chiều hướng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, ở thuật ngữ báo chí trong số 2500 thuật ngữ thuộc nhóm điển mẫu đang được xét, chúng tôi chỉ tìm được 1 thuật ngữ nguyên dạng: *zoom* (0,04%) bởi vì bên cạnh các thuật ngữ báo chí

vay mượn theo lối nguyên dạng lại tồn tại song hành hình thức vừa nguyên dạng vừa sao phỏng hoặc phiên âm. Đây cũng là vấn đề liên quan đến chuẩn hóa thuật ngữ báo chí tiếng Việt.

Con đường xây dựng thuật ngữ báo chí dựa vào tiếng nước ngoài diễn ra phổ biến hơn dưới hình thức *phiên âm*.

Phiên âm là ghi lại cách phát âm của tiếng nước ngoài bằng hệ thống chữ cái của tiếng Việt [2; tr.233]. Khi phiên âm các thuật ngữ nước ngoài chúng ta đều thấy hình thức của chúng có thể bị thay đổi ít nhiều cho phù hợp với quy luật ngữ âm của tiếng Việt. Về mặt lí luận, các nhà nghiên cứu cho rằng cách phiên âm là thích hợp hơn so với nguyên dạng bởi vì các thuật ngữ nước ngoài khi được vay mượn, sử dụng và nhập vào ngôn ngữ bản địa thì chúng cần phải có những thay đổi tùy theo hệ thống chữ viết và kết cấu ngữ âm của ngôn ngữ nước đó. Đây cũng là quy luật chung về ngôn ngữ.

Ở nhóm thuật ngữ điển mẫu, kết quả khảo sát cho thấy không có nhiều các thuật ngữ báo chí được tạo ra bằng con đường phiên âm. Số thuật ngữ phiên âm thuộc nhóm thuật ngữ báo chí điển mẫu chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ là 0,28% tương đương 7 thuật ngữ: *băng, cáp, đúp, kênh, pin, phim, bút*. Quan sát kĩ hơn có thể thấy các thuật ngữ này chủ yếu được vay mượn từ tiếng Pháp và hầu như đã được Việt hóa.

Nếu xét trong toàn bộ hệ thống thuật ngữ báo chí, thì có khá nhiều thuật ngữ vay mượn dưới hình thức phiên âm. Nhưng điều nhận thấy rõ nhất trong các thuật ngữ báo chí hình thành theo con đường này là sự thiếu thống nhất trong cách phiên âm. Đa số các thuật ngữ báo chí phiên âm được thể hiện dưới dạng viết theo nhiều cách khác nhau, nhiều trường hợp một thuật ngữ được phiên âm dưới nhiều hình thức, hoặc ngay trong một giáo trình cách phiên âm cũng không nhất quán: Ví dụ: *antenne: anten,*

an-ten, ăng ten, ăngten, an-ten, anten; offset: ôpxet, ôpset, ôp-xét, ôpxét, offset, ôp-sét, ôpxét; typographie: ti-pô, typo, typô, tipô, ty-pô; manchette: măng-séc, măng-sec, măng sét; maquette: ma-két, ma két, makét, ma-ket, ma-két; microphone: mi-crô, micrô, micro, mi-cro, microfon, micorô...

Sự thiếu thống nhất trong cách phiên âm ở các ví dụ trên cho thấy, cùng một thuật ngữ nhưng được phiên âm theo nhiều cách khác nhau:

- Viết rời từng âm tiết, gạch nối giữa các âm tiết, có dùng dấu thanh
- Viết rời, có gạch nối, không có dấu thanh
- Viết liền, có dấu thanh
- Viết liền, không có dấu thanh...

Điều đáng chú ý là trong số này, khá nhiều thuật ngữ báo chí tồn tại song song dưới hình thức vừa phiên âm vừa sao phỏng hoặc vừa sao phỏng vừa viết tắt. Ví dụ: *title: tit đầu đề, đề mục; filet: fi-lê, khung, đường trang trí, dòng kẻ; montage: môngta, chấp, ghép, ghép nối; vignette: vi-nhét, hình trang trí; maquette: makét báo, trình bày báo; video camera: máy quay camera, máy quay, máy camera, camera ghi hình; equipe: ê kíp, êkíp, kíp, đội hình; microphone: mi-crô, micrô, micro, mi-cro, microfon, micorô ống nói; master of ceremonies: MC, người dẫn chương trình, người dẫn, dẫn chương trình....* Đây là các thuật ngữ rất cần được chuẩn hóa.

3.3. Xây dựng thuật ngữ báo chí vừa dựa trên cơ sở tiếng Việt vừa dựa vào tiếng nước ngoài: Sao phỏng và ghép lại

3.3.1. Sao phỏng

Là con đường tạo thuật ngữ trong đó sử dụng các yếu tố và mô hình cấu tạo từ của tiếng Việt để dịch nghĩa các thuật ngữ tương ứng trong tiếng nước ngoài. Nếu xét về mặt hình thức ngôn ngữ có thể coi đây là các thuật ngữ tạo mới trong của tiếng Việt. Còn xét về mặt

nội dung khái niệm khoa học do các thuật ngữ này biểu thị thì chúng là thuật ngữ quốc tế. Vì vậy, các thuật ngữ tạo ra các thuật ngữ theo phương thức sao phỏng thể hiện rõ nhất sự thống nhất giữa tính dân tộc và tính quốc tế của thuật ngữ [3; tr.29]. Đây được xem là một trong những con đường chủ đạo trong việc xây dựng và làm giàu vốn thuật ngữ tiếng Việt. Đặc biệt với các ngành khoa học xã hội, thuật ngữ được tạo ra theo con đường sao phỏng luôn chiếm tỉ lệ áp đảo.

Khi dịch các khái niệm khoa học tiếng nước ngoài, mỗi ngôn ngữ đều sử dụng những yếu tố và phương thức cấu tạo từ vốn có của mình. Trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy rằng các yếu tố tham gia vào việc cấu tạo các thuật ngữ sao phỏng đều là những yếu tố có nghĩa và chúng có thể là thuần việt hoặc Hán Việt. Còn phương thức cấu tạo từ để sao phỏng các thuật ngữ nước ngoài đó là phương thức ghép.

Sau này, trong các công trình lí luận về từ vựng học, Nguyễn Thiện Giáp có sự phân biệt hai cách sao phỏng khá rõ: *sao phỏng cấu tạo từ* và *sao phỏng ý nghĩa* [2; tr.233-tr.234]. Việc sử dụng yếu tố và phương thức cấu tạo từ vốn có trong tiếng Việt để cấu tạo một đơn vị từ vựng dựa trên mô hình kết cấu của đơn vị tương ứng trong tiếng nước ngoài được gọi là sao phỏng cấu tạo từ. Đây chính là cách dịch từng thành tố cấu tạo hoặc từng từ trong thành phần cấu tạo thuật ngữ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt. Tuy nhiên, đối với các trường hợp tiếng mẹ đẻ không có từ ngữ nào có ý nghĩa tương đương với từ nước ngoài cần dịch, thì người dịch phải tạo ra một từ ngữ khác trong tiếng mẹ đẻ để diễn đạt ý nghĩa nghĩa tương ứng đó. Trường hợp này được gọi là sao phỏng ý nghĩa .

Kết quả khảo sát cho thấy trong 2500 thuật ngữ báo chí điển mẫu, số lượng thuật ngữ được tạo ra theo con đường sao phỏng *chiếm tỷ lệ rất*

lớn 71 %, trong đó thuật ngữ được tạo ra chủ yếu dưới hình thức sao phỏng cấu tạo từ: ví dụ: *local press: báo chí địa phương, program: chương trình, programme television: chương trình truyền hình; frequency band : dải tần số, technical editing : biên tập kĩ thuật; automatic record: ghi âm tự động*. Có thể nhận thấy các thuật ngữ báo chí được tạo ra theo hình thức sao phỏng cấu tạo từ đều là thuật ngữ ngắn gọn về hình thức, chính xác về nội dung, hội tụ đầy đủ tính chất cần và đủ của một thuật ngữ khoa học. Từ đó giúp người sử dụng dễ hiểu và dễ nhớ.

Số lượng thuật ngữ báo chí tạo ra theo hình thức sao phỏng ý nghĩa nhìn chung chiếm tỷ lệ thấp hơn. Ví dụ: *agency photography: ảnh thông tấn* (nguyên gốc tiếng Anh *agency* có nghĩa là *đại diện* nhưng lại được dịch là *thông tấn*); *caricature: biếm họa báo chí* (nguyên gốc tiếng Anh *caricature* có nghĩa là *thời phỏng, phóng đại* nhưng lại được dịch là *biếm họa*); *bulvar: báo bán rong* (nguyên gốc tiếng Anh *bulvar* có nghĩa là đại lộ, phố rộng nhưng lại được dịch là *bán rong*; *insert: phụ trương* (nguyên gốc tiếng Anh *inser* có nghĩa là thêm, bổ sung vào nhưng lại được dịch là *phụ trương*) ...

Như vậy về bản chất của hai loại sao phỏng nói trên là khá khác nhau: nếu như sao phỏng cấu tạo từ là dịch trực tiếp từng yếu tố cấu tạo thuật ngữ hoặc từng từ trong thành phần cấu tạo thuật ngữ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt thì sao phỏng ngữ nghĩa người dịch phải tạo ra một từ ngữ khác trong tiếng mẹ đẻ để diễn đạt ý nghĩa nghĩa tương ứng với tiếng nước ngoài. Đây là lí do tại sao với sao phỏng, đặc biệt là sao phỏng ngữ nghĩa đòi hỏi người dịch không chỉ có sự hiểu biết nhất định về tiếng Việt và tiếng nước ngoài mà còn phải có sự hiểu biết sâu về chuyên ngành báo chí. Có như vậy, chúng ta mới có được các thuật ngữ sao phỏng vừa chính xác về nội dung khái niệm vừa ngắn gọn về hình thức, bảo đảm tính trong sáng của tiếng

Việt, tránh việc dịch theo lối giải thích khái niệm hoặc dịch một cách quá máy móc, câu lệ bám sát vào từng chữ mà không chú ý đến nội dung khái niệm của thuật ngữ nước ngoài.

Tuy nhiên, nếu xét trong toàn bộ hệ thống thuật ngữ báo chí, vẫn còn tồn tại khá nhiều thuật ngữ được dịch theo lối giải thích khái niệm. Điều này làm cho thuật ngữ thiếu sự chính xác về nội dung, hình thức dài dòng, lủng củng, phá vỡ tính bền vững của tổ hợp thuật ngữ. Ví dụ: **add-on**: ghi lại một chương trình đầu tiên có trong danh mục các chương trình được phát sóng, **adjacent program**: chương trình phát thanh ngay trước hay sau một chương trình khác, **format broadcasting**: sự phát sóng có định hướng nhằm vào đối tượng khán, thính giả nhất định ... Đây cũng là vấn đề liên quan đến việc chuẩn hóa thuật ngữ.

3.3.2. Ghép lai

Ngoài sao phỏng, rất phổ biến và quen thuộc, trong hệ thống thuật ngữ báo chí tiếng Việt còn có một con đường hình thành thuật ngữ khá đặc biệt đó là ghép lai. Đây là con đường hình thành thuật ngữ trong đó “một phần hình thức là bản ngữ, một phần là mượn, nhưng ý nghĩa là hoàn toàn mượn” [2; tr.234].

Về hình thức ngôn ngữ, ghép lai là con đường tạo thuật ngữ mới bằng việc vừa sử dụng chất liệu tiếng Việt vừa sử dụng chất liệu tiếng nước ngoài rồi kết hợp với, trong đó yếu tố tiếng nước ngoài có thể là đã phiên âm hoặc nguyên dạng. Nếu như ở những năm 60-70, cách đặt thuật ngữ này được coi là một sự mới lạ, táo bạo nhưng cần thiết vì đó cũng là một đòi hỏi phát triển của ngôn ngữ [7; tr.38] thì hiện nay ghép lai đã trở thành một con đường hình thành thuật ngữ khá phổ biến. Ghép lai được sử dụng khi trong tiếng Việt chưa tìm được đầy đủ yếu tố thuật ngữ tương đương để dịch các khái niệm, hiện tượng, sự vật... của tiếng nước ngoài một cách chính xác hoặc là

các thuật ngữ nước ngoài khi được dịch sang tiếng Việt là những cụm thuật ngữ dài hay ngữ giải thích khái niệm.

Thuật ngữ báo chí tạo thành theo con đường ghép lai chiếm tỷ lệ đáng kể 16,3% (407) thuật ngữ). Ví dụ: anten công cộng, băng gốc, ghép kênh, băng ti-ra, bố cục măng-séc, micro treo, cáp chính, công thức ma-két, file âm thanh, fi-lê đậm, in ôpxet, tít bổ sung, tít giản lược, zoom vào, camera màu, camera dự phòng, hình ảnh video, kênh đối ngoại, kênh cao tần, lỗi mo-rát, kíp tường thuật... Trong số này, có rất nhiều các thuật ngữ được tạo ra từ một vài yếu tố phiên âm có khả năng phái sinh mạnh, chúng có thể kết hợp với yếu tố thuần Việt hoặc Hán Việt khác nhau để tạo nên một loạt các thuật ngữ mang tính hệ thống cao. Đó là các yếu tố như phim, tít, băng, phi-lê, anten, cáp, zoom, mic-rô, kênh... Chẳng hạn, chỉ tính riêng về tính hệ thống trên bình diện ngữ đoạn phim đã tham gia vào cấu tạo 41 thuật ngữ: phim bom tấn, , phim cuộn, phim ký sự, phim mua, phim truyền hình, phim tư liệu, phim trao đổi... tít đã tham gia vào cấu tạo nên 23 thuật ngữ: tít bài, tít bài bình luận, tít bài phỏng vấn, tít bổ sung, tít ngắn, tít giản lược...; băng đã tham gia vào cấu tạo nên 22 thuật ngữ: băng dựng, băng ghi âm, băng ghi âm đơn, băng ghi âm nổi, băng gốc, băng tư liệu...philê đã tham gia vào cấu tạo 19 thuật ngữ: philê chấm, philê chéo, phi-lê ngang, phi-lê dọc, philê kép, philê mảnh...

Rõ ràng ghép lai đã làm gia tăng đáng kể các thuật ngữ báo chí tiếng Việt. Đây là con đường tỏ ra có hiệu quả đối với các thuật ngữ báo chí tiếng Việt nếu dùng các con đường vay mượn khác như phiên âm, sao phỏng...nhưng lại làm cho các thuật ngữ này không rõ nghĩa hoặc dài dòng, thường rơi vào tình trạng giải thích thuật ngữ hơn là định danh thuật ngữ. Đây là con đường xây dựng thuật ngữ phổ biến trong giai đoạn hiện nay và có chiều hướng ngày càng gia tăng, góp phần làm giàu và phong phú thêm vốn thuật ngữ báo chí tiếng Việt.

4. Vấn đề phiên âm và chuyển dịch các thuật ngữ nước ngoài ra tiếng Việt

Qua phân tích 2500 thuật ngữ báo chí tiếng Việt điển mẫu cho thấy, thuật ngữ báo chí tiếng Việt được hình thành theo nhiều con đường khác nhau. Bên cạnh *thuật ngữ hóa từ thông thường* (12,4%), *nguyên dạng* (0,04%), *phiên âm* (0,28%), *ghép lai* (16,3%) thì *sao phỏng* (71%) là con đường chủ đạo trong việc xây dựng và làm giàu vốn thuật ngữ báo chí tiếng Việt.

Tuy nhiên, nếu nhìn rộng ra cả toàn bộ hệ thống thuật ngữ báo chí tiếng Việt thì rõ ràng, vấn đề nổi lên nhất hiện nay là việc thiếu thống nhất trong phiên âm và vấn đề sao phỏng các thuật ngữ báo chí nước ngoài sang tiếng Việt. Đây là vấn đề liên quan chặt chẽ đến việc chuẩn hóa thuật ngữ báo chí tiếng Việt.

Phiên âm thuật ngữ nước ngoài cho đến nay vẫn là một vấn đề rất nan giải, làm đau đầu rất nhiều nhà nghiên cứu tâm huyết với tiếng Việt. Vì vậy, một số nhà nghiên cứu đề xuất nên giữ nguyên dạng thì sẽ tránh được mọi khó khăn phiền phức và sự thiếu thống nhất do phiên âm gây ra. Tuy nhiên, nếu để nguyên dạng thì các thuật ngữ vay mượn không bao giờ có thể nhập tịch vào hệ thống ngôn ngữ của tiếng Việt và trở lên vô cùng xa lạ, khó tiếp cận và khó sử dụng với người Việt, đặc biệt là các thuật ngữ khoa học xã hội (tất nhiên trừ những thuật ngữ đặc thù, chuyên biệt). Vấn đề chỉ là các giải pháp phiên âm như thế nào.

Thực ra cho đến nay chúng ta đã có được một số bản quy định về quy tắc phiên thuật ngữ khoa học nước ngoài ra tiếng Việt (xem [9, 14]). Nhưng rõ ràng chúng ta chưa tuân thủ một cách nghiêm túc các nguyên tắc phiên âm đã được quy định, vì vậy đã có những cách xử lí khác nhau khi phiên âm. Bên cạnh đó, sự thay đổi về nguyên tắc phiên âm trong các giai đoạn khác nhau cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự phiên âm

không thống nhất. Hiện nay các thuật ngữ nước ngoài nói chung vay mượn vào tiếng Việt rất lớn và xu hướng lại quay về việc phiên dựa vào âm là chính của những năm 1960 chứ không hẳn dựa vào chữ là chính như quy định quy định của năm 1983. Để tránh sự nhập nhằng giữa hai nguyên tắc phiên âm cũng như để tiến tới sự thống nhất trong cách phiên âm các thuật ngữ nước ngoài vào tiếng Việt hiện nay, chúng ta rất cần có lại một bản quy định phiên thuật ngữ khoa học nước ngoài ra tiếng Việt chính thức. Và điều quan trọng sau đó là chúng ta phải tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các cơ quan, ban ngành để mọi người phải tuân theo các quy tắc phiên âm đã được quy định.

Cùng với phiên âm là vấn đề dịch các thuật ngữ nước ngoài. Rõ ràng việc chuyển dịch các thuật ngữ báo chí nước ngoài không chỉ đơn thuần là dịch trực tiếp “từ sang từ”. Khi dịch các thuật ngữ báo chí nước ngoài sang tiếng Việt, người dịch không những phải có kiến thức về tiếng Việt và tiếng nước ngoài mà còn phải có sự hiểu biết sâu về chuyên ngành báo chí mới có thể chuyển tải được một cách chính xác các khái niệm mà thuật ngữ nước ngoài biểu thị.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu (1996), Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- [2] [Nguyễn Thiện Giáp, Giáo trình Ngôn ngữ học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [3] Hoàng Văn Hành (1983), Về sự hình thành và phát triển thuật ngữ tiếng Việt, Ngôn ngữ, số 4, 1983, tr. 26.
- [4] Vũ Quang Hào, Hệ thuật ngữ quân sự tiếng Việt: đặc điểm và cấu tạo thuật ngữ, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1991.
- [5] Vũ Thị Thu Huyền, Thuật ngữ khoa học kỹ thuật xây dựng trong tiếng Việt, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học Xã hội, 2013.

- [6] Phạm Thành Hưng, Thuật ngữ báo chí truyền thông, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
- [7] Lê Khả Kế, Về vấn đề thống nhất và chuẩn hoá thuật ngữ khoa học tiếng Việt, Ngôn ngữ, số 3+4, 1979.
- [8] Nguyễn Văn Khang, Từ ngoại lai trong tiếng Việt, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- [9] Lưu Văn Lăng, Vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968.
- [10] Mai Thị Loan, Về những con đường tạo ra thuật ngữ luật sở hữu trí tuệ tiếng Việt, Ngôn ngữ và đời sống, số 1+2, 2011.
- [11] Hà Quang Năng (chủ biên), Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỷ XX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.
- [12] Hà Quang Năng, Đặc điểm định danh thuật ngữ, Từ điển học & bách khoa thư, số 4, 2013, tr. 5.
- [13] Hoàng Phê, Từ điển tiếng Việt, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2012.
- [14] Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt áp dụng cho sách giáo khoa, báo và văn bản của các ngành giáo dục, 1984.
- [15] J.S. Sager, A practical course in terminology processing, John Benjamins publishing company, Amsterdam, Philadelphia, 1990.
- [16] Dương Xuân Sơn, Giáo trình báo chí truyền hình, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.
- [17] Lê Quang Thiêm, Tầng nghĩa và kiểu nghĩa chức năng từ vựng, Ngôn ngữ, số 3, 2006.

The Way of Forming the Newspaper Terms in Vietnamese

Quách Thị Gấm

*Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia,
36 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Based on the actual sources of materials, the research results show that the newspaper terms are formed in a lot of different ways. At the same time, the paper also suggests some issues in relation to the transcription and translation of the terms from the foreign newspapers into Vietnamese, thus making a contribution to the building and standardization of terminology of the Vietnamese newspapers.

Keywords: Terms; newspapers; transcription; translation; standardization.